

Số: 423/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 3 Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Loại Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (ký hiệu 100)

Để phản ánh, hạch toán các khoản chi đầu tư và chi thường xuyên cho các hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các khoản chi đầu tư và chi thường xuyên cho hoạt động chuyển đổi số phải đáp ứng các nguyên tắc theo quy định của pháp luật về Chuyển đổi số.

Không bao gồm: chi ngân sách nhà nước cho hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ; các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước cho mua sắm, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo tiêu chuẩn, định mức từ hoạt động quản lý nhà nước thuộc nguồn kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan quản lý trung ương và địa phương; chi ngân sách cho các hoạt động đào tạo trình độ đại học, sau đại học bao gồm cả phát hiện và đào tạo bồi dưỡng nhân tài để bổ sung nguồn nhân lực khoa học và công nghệ theo pháp luật về giáo dục đại học; chi ngân sách cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp (trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng) theo pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm k như sau:

“k) Loại Các hoạt động kinh tế (ký hiệu 280)

- Để phản ánh, hạch toán chi các hoạt động nhằm phục vụ, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh thuộc các ngành kinh tế như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, công thương, giao thông vận tải, công nghiệp công nghệ số, du lịch, hoạt động dự trữ quốc gia, tài nguyên và các hoạt động kinh tế khác.

- Các khoản chi ngân sách nhà nước cho hoạt động kinh tế bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên để phục vụ, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh thuộc các ngành kinh tế như nông nghiệp, công thương, giao thông vận tải, công nghiệp công nghệ số, du lịch, hoạt động dự trữ quốc gia, tài nguyên, các hoạt động kinh tế khác.

Không bao gồm: Chi ngân sách cho hoạt động quản lý nhà nước tại các cơ quan quản lý trung ương và địa phương; chi ngân sách cho hoạt động đào tạo; chi ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi dự trữ quốc gia.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Chương tại Phụ lục I

1. Sửa đổi tên Chương 819 “Đảng ủy xã” thành “Văn phòng Đảng ủy xã”.

2. Bổ sung Chương 506 “Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

3. Bổ sung Chương 834 “Phòng Xây dựng, Nông nghiệp, Môi trường, Khoa học, Công nghệ”.

Ghi chú: “Bao gồm Phòng Nông nghiệp và Môi trường; Phòng Xây dựng và Môi trường; Phòng Khoa học, Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường...”.

4. Bãi bỏ Chương 810 “Ban chỉ huy quân sự xã”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Khoản tại Phụ lục II

1. Sửa đổi tên Khoản 015 “Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh” thành “Quản lý, bảo vệ Khu Di tích Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

2. Bổ sung tại mục “Ghi chú” Loại 100 “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” nội dung sau:

“Trường hợp nhiệm vụ chi không thuộc các nguyên tắc theo quy định của pháp luật về Chuyển đổi số mà nhằm phục vụ chức năng, nhiệm vụ chuyên môn riêng của lĩnh vực nào thì hạch toán theo loại, khoản tương ứng của lĩnh vực đó.

Ví dụ:

- Trường học mua máy tính phục vụ đào tạo, dạy nghề thì hạch toán theo Khoản tương ứng thuộc Loại 070 (Giáo dục - đào tạo và dạy nghề)

- Nhiệm vụ mua sắm máy tính theo tiêu chuẩn, định mức phục vụ công tác các chức danh thì hạch toán vào Khoản tương ứng của Loại 340.”

3. Bổ sung, bãi bỏ một số Khoản thuộc Loại 100 “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

a) Bổ sung một số Khoản thuộc Loại 100 như sau:

- Khoản 122 “Nền tảng số dùng chung quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu, trọng điểm”.

Ghi chú: “Bao gồm hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các nền tảng số dùng chung quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm theo quy định.”.

- Khoản 123 “Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số”.

Ghi chú:

“- Bao gồm hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ các hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu (bao gồm số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu) phục vụ chuyển đổi số (bao gồm chính phủ số, kinh tế số và xã hội số).

- Trường hợp đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ nền tảng số dùng chung quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu, trọng điểm thì hạch toán vào Khoản 122.

- Trường hợp đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phần cứng, máy móc, phần mềm thương mại, cơ sở dữ liệu, công cụ, sản phẩm, dịch vụ số, ... mà không hình thành hệ thống thì hạch toán vào Khoản 124.”.

- Khoản 124 “Trang thiết bị công nghệ số, dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số”.

Ghi chú: “Bao gồm hoạt động mua sắm trang thiết bị, phần cứng, máy móc, phần mềm thương mại, cơ sở dữ liệu, công cụ, sản phẩm, dịch vụ số, trí tuệ nhân tạo AI; mua máy móc, thiết bị đầu cuối phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số; mua dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại và các trang thiết bị khác theo quy định.”.

- Khoản 125 “Quản trị, vận hành, bảo trì, duy trì hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu đã được đầu tư, mua sắm phục vụ chuyển đổi số”.

Ghi chú: “Bao gồm chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Không bao gồm việc nâng cấp, mở rộng hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, hệ thống phần cứng, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu.”.

- Khoản 126 “Hoạt động chuyển đổi số khác”.

Ghi chú: “Bao gồm hoạt động chuyển đổi số khác theo quy định và không thuộc các hoạt động được hạch toán tại các Khoản 122, 123, 124, 125.”.

b) Bãi bỏ Khoản 121 “Chuyển đổi số”.

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại mục “Ghi chú” của Khoản 309 “Công nghiệp khác” thuộc Loại 280 “Các hoạt động kinh tế” thành “Bao gồm: Công nghiệp xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp khai khoáng khác; hoạt động công nghiệp hỗ trợ, khuyến công; công nghiệp môi trường; Công nghiệp khác”.

5. Bãi bỏ một số Khoản thuộc Loại 280 “Các hoạt động kinh tế” như sau:

a) Khoản 314 “Công nghệ thông tin”.

b) Khoản 315 “Chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Mục, Tiểu mục tại Phụ lục III

1. Bổ sung Tiểu mục 1016 “Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hoá” thuộc Mục 1000 “Thuế thu nhập cá nhân”.

2. Bổ sung Tiểu mục 1059 “Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hoá” thuộc Mục 1050 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”.

3. Bổ sung Tiểu mục 1262 “Thu tiền đấu giá biển số xe mô tô, xe gắn máy” thuộc Mục 1250 “Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên”.

4. Sửa đổi tên Tiểu mục 2768 “Lệ phí cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân” thuộc Mục 2750 “Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân” thành “Lệ phí cấp thẻ căn cước”.

5. Sửa đổi tên Tiểu mục 3362 “Thu bán cây đứng” thuộc Mục 3350 “Thu từ bán và thanh lý tài sản khác” thành “Thu bán cây đứng, gỗ hợp pháp”.

6. Sửa đổi tên Mục và các Tiểu mục thuộc Mục 3600 “Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước” như sau:

a) Sửa đổi tên Mục 3600 “Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước” thành “Tiền cho thuê đất, đất có mặt nước”.

b) Sửa đổi tên Tiểu mục 3601 “Tiền thuê mặt đất hàng năm” thành “Tiền thuê đất hàng năm”.

c) Sửa đổi tên Tiểu mục 3602 “Tiền thuê mặt nước hàng năm” thành “Tiền thuê đất có mặt nước hàng năm”.

d) Sửa đổi tên Tiểu mục 3603 “Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí” thành “Thu tiền thuê đất, đất có mặt nước từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí”.

đ) Sửa đổi tên Tiểu mục 3604 “Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất” thành “Thu tiền cho thuê đất, đất có mặt nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất”.

e) Sửa đổi tên Tiểu mục 3605 “Tiền thuê mặt đất thu một lần cho cả thời gian thuê” thành “Tiền thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê”.

g) Sửa đổi tên Tiểu mục 3606 “Tiền thuê mặt nước thu một lần cho cả thời gian thuê” thành “Tiền thuê đất có mặt nước thu một lần cho cả thời gian thuê”.

h) Sửa đổi tên Tiểu mục 3607 “Tiền thuê mặt biển thu hàng năm” thành “Tiền sử dụng khu vực biển thu hàng năm”.

i) Sửa đổi tên Tiểu mục 3608 “Tiền thuê mặt biển thu một lần cho cả thời gian thuê” thành “Tiền sử dụng khu vực biển thu một lần”.

7. Bổ sung Tiểu mục 3657 “Thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp” thuộc Mục 3650 “Thu từ tài sản Nhà nước giao các tổ chức kinh tế”.

8. Bổ sung Tiểu mục 3904 “Tiền thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD” thuộc Mục 3900 “Thu khác từ quỹ đất”.

9. Sửa đổi, bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 4250 “Thu tiền phạt” như sau:

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 4254 “Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của cơ quan thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân)” thành “Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của cơ quan thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân; phạt vi phạm hành chính về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)”.

b) Bổ sung Tiểu mục 4255 “Phạt vi phạm hành chính về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu”.

c) Bổ sung Tiểu mục 4256 “Tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu”.

d) Sửa đổi tên Tiểu mục 4272 “Tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý” thành “Tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý (không bao gồm tiền chậm nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)”.

10. Sửa đổi tên Mục 4500 “Các khoản đóng góp tự nguyện” thành “Các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 4900 “Các khoản thu khác” như sau:

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 4917 “Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân” thành “Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hoá)”.

b) Sửa đổi tên Tiểu mục 4918 “Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)” thành “Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí; tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hoá; tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu)”.

c) Bổ sung Tiểu mục 4948 “Tiền chậm nộp thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (không bao gồm thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý)”.

d) Bổ sung Tiểu mục 4951 “Tiền nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất”

Ghi chú: “Tiền nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 thuộc khoản thu khác theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai năm 2024”.

đ) Bổ sung Tiểu mục 4952 “Tiền nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất”

Ghi chú: “Tiền nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 thuộc khoản thu khác theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai năm 2024”.

e) Bổ sung Tiểu mục 4954 “Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hoá”.

g) Bổ sung Tiểu mục 4955 “Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hoá”.

h) Bổ sung Tiểu mục 4956 “Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu”.

i) Bổ sung Tiểu mục 4957 “Tiền chủ đầu tư phải nộp tương đương giá trị quỹ đất ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải dành để xây dựng nhà ở xã hội”.

12. Bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 6400 “Các khoản thanh toán khác cho cá nhân” như sau:

a) Tiểu mục 6407 “Phụ cấp nữ, trợ cấp xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai dịch bệnh cho thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài”.

b) Tiểu mục 6408 “Chi vé máy bay, tàu xe, cước hành lý theo chế độ cho thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài”.

c) Tiểu mục 6409 “Chi hỗ trợ tiền học phí cho con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài”.

13. Sửa đổi nội dung mục “Ghi chú” Tiểu mục 6762 “Thuê dịch vụ thuê ngoài” thuộc Mục 6750 “Chi phí thuê mướn” thành “Các khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như: kiểm định, đánh giá, kiểm toán độc lập,...”.

14. Sửa đổi tên Tiểu mục 6912 “Các thiết bị công nghệ thông tin” thuộc Mục 6900 “Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng” thành “Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các thiết bị công nghệ số”.

Ghi chú: “Bao gồm: quản trị, vận hành, bảo trì, duy trì, sửa chữa, hỗ trợ kỹ thuật hạ tầng chuyển đổi số, trang thiết bị công nghệ số, hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm, thiết bị khác; gia hạn bảo hành theo chính sách của nhà sản xuất (bảo hành mở rộng)”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 6950 “Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn” như sau:

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 6956 “Các thiết bị công nghệ thông tin” thành “Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu”.

Ghi chú: “Chi mua sắm, nâng cấp, mở rộng các hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu”.

b) Sửa đổi nội dung mục “Ghi chú” Tiểu mục 6959 “Trang thiết bị, máy móc phục vụ chuyển đổi số” thuộc Mục 6950 “Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn” thành: “Chi mua sắm, nâng cấp, thay thế trang thiết bị, máy móc, phần cứng phục vụ hoạt động chuyển đổi số, không bao gồm chi mua sắm thiết bị, máy móc, ... để hình thành các hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu”.

c) Bổ sung Tiểu mục 6961 “Trang thiết bị, phần cứng, máy móc,... bảo đảm an ninh mạng”.

Ghi chú: “Chi mua sắm, nâng cấp, thay thế trang thiết bị, máy móc, phần cứng, phục vụ bảo đảm an ninh mạng”.

16. Bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 7000 “Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành”.

a) Tiểu mục 7002 “Chi mua quà tặng phẩm đối ngoại, đóng góp hoạt động ngoại giao đoàn”.

b) Tiểu mục 7019 “Chi xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”.

Ghi chú: “Bao gồm chi cho các nhiệm vụ, hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”.

17. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Tiểu mục thuộc Mục 7050 “Mua sắm tài sản vô hình” như sau:

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 7053 “Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin” thành “Mua, gia hạn bản quyền phần mềm công nghệ thông tin, công nghệ số”.

b) Bãi bỏ Tiểu mục 7054 “Xây dựng, nâng cấp phần mềm công nghệ thông tin”.

c) Bãi bỏ Tiểu mục 7056 “Phần mềm, công nghệ số, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số”.

d) Sửa đổi nội dung mục “Ghi chú” Tiểu mục 7057 “Cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số” thuộc Mục 7050 “Mua sắm tài sản vô hình” thành “Chi xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu theo quy định, không bao gồm chi xây dựng, phát triển Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin”.

đ) Bổ sung Tiểu mục 7058 “Mua, gia hạn bản quyền phần mềm công nghệ thông tin, công nghệ số, bảo đảm an ninh mạng”.

18. Bổ sung Tiểu mục 7082 “Cấp kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ cho các quỹ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” thuộc Mục 7060 “Chi phí nghiệp vụ chuyên môn cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”.

19. Bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 7400 “Chi viện trợ” như sau:

a) Tiểu mục 7407 “Chi đào tạo học sinh Cuba”.

b) Tiểu mục 7408 “Chi viện trợ khác cho Cuba”.

20. Bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 9300 “Chi xây dựng” như sau:

a) Tiểu mục 9304 “Chi xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu”.

Ghi chú: “Bao gồm chi phí mua sắm thiết bị, phần mềm, lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh, đào tạo, chuyển giao, vận chuyển, bảo hiểm, bảo hành, thuế, phí liên quan để hình thành Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu; thuê dịch vụ công nghệ số các hệ thống này”.

b) Tiểu mục 9305 “Chi xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ an ninh mạng”.

Ghi chú: “Bao gồm chi phí mua sắm thiết bị, phần mềm, lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh, đào tạo, chuyển giao, vận chuyển, bảo hiểm, bảo hành, thuế, phí liên quan để hình thành Hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần

mềm, cơ sở dữ liệu hoặc thuê dịch vụ công nghệ số các hệ thống này phục vụ an ninh mạng”.

21. Sửa đổi, bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 9350 “Chi thiết bị” như sau:

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 9356 “Các chi phí mua thiết bị, phần mềm, lắp đặt, hiệu chỉnh, đào tạo, chuyển giao, vận chuyển, bảo hành, thuế, phí liên quan công nghệ thông tin” thành “Chi phí mua thiết bị, phần cứng, phần mềm thương mại, cơ sở dữ liệu liên quan đến công nghệ thông tin, công nghệ số”.

Ghi chú: “Bao gồm chi phí mua sắm thiết bị đơn lẻ, dự phòng, thay thế; tạo lập cơ sở dữ liệu và các chi phí liên quan; không bao gồm chi mua sắm thiết bị, máy móc, ... để hình thành các hệ thống số, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu.”.

b) Bổ sung Tiểu mục 9358 “Chi mua sắm thiết bị, phần cứng, phần mềm thương mại, sản phẩm an ninh mạng”.

22. Sửa đổi, bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 0900 “Nguồn năm trước chuyển sang năm nay (thu chuyển nguồn)” như sau:

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 0913 “Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội” thành “Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương”.

b) Bổ sung Tiểu mục 0924 “Nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản tính theo tiền lương”.

Ghi chú: “Các khoản tính theo lương theo các chính sách an sinh xã hội”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số Tiểu mục thuộc Mục 0950 “Chuyển nguồn năm nay sang năm sau (chi chuyển nguồn)”

a) Sửa đổi tên Tiểu mục 0963 “Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội” thành “Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương”.

b) Bổ sung Tiểu mục 0974 “Nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản tính theo tiền lương” thuộc Mục 0950 “Chuyển nguồn năm nay sang năm sau (chi chuyển nguồn)”.

Ghi chú: “Các khoản tính theo lương theo các chính sách an sinh xã hội”.

Điều 5. Bổ sung một số Chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia tại Phụ lục IV

Bổ sung mã số chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2026.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Thông tư này. /

Nội nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc BCHTW Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- KBNN các khu vực;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (120 bản) /



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn